

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1143 /UBND-TH

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 4 năm 2026

V/v trả lời Đơn của ông
Trần Văn Tốt

Kính gửi: Ông Trần Văn Tốt (Địa chỉ: ấp Long Tường, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, số điện thoại 0983 640 644)

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận Đơn ghi ngày 26 tháng 01 năm 2026 do Văn phòng Bộ Nội vụ chuyển đến (theo Công văn số 0607/CD-VP ngày 26 tháng 02 năm 2026) của ông Trần Văn Tốt, cư trú ấp Long Tường, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp về việc hưởng trợ cấp theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với đối tượng chịu tác động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp theo Kết luận số 183- KL/TW ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết số 405/NQ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2025 về kéo dài thời gian giải quyết chính sách, chế độ với người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh, cấp huyện trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ;

Qua xem xét báo cáo, đề xuất của Sở Nội vụ tại Công văn số 2098/SNV-TCCC ngày 23 tháng 3 năm 2026 về việc tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý Đơn ông Trần Văn Tốt về hưởng trợ cấp theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trả lời nội dung kiến nghị của Ông như sau:

1. Về cơ sở pháp lý xác định điều kiện hưởng chính sách, chế độ

1.1. Về chế độ nghỉ hưu

Tại Điều 64 Luật Cán bộ, công chức 2008 quy định: “Việc đánh giá, phân loại, xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức cấp xã được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật này đối với cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật, điều lệ có liên quan.”

Tại Điều 31 Luật Cán bộ, công chức 2008 quy định: *Nghỉ hưu đối với cán bộ*

1. Cán bộ được nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật lao động.

2. Trước 06 tháng, tính đến ngày cán bộ nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ phải thông báo cho cán bộ bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu;

trước 03 tháng, tính đến ngày cán bộ nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ ra quyết định nghỉ hưu.

3. Trong trường hợp đặc biệt, đối với cán bộ giữ chức vụ từ Bộ trưởng hoặc tương đương trở lên có thể được kéo dài thời gian công tác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.”

Do đó, theo quy định tại Điều 31 và Điều 64 Luật Cán bộ, công chức năm 2008, cán bộ khi nghỉ hưu phải có Quyết định nghỉ hưu do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ ban hành.

Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 187 Bộ Luật Lao động 2012 quy định tuổi nghỉ hưu như sau: “1. Người lao động bảo đảm điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội được hưởng lương hưu khi nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi.”

Do vậy, khi cá nhân đáp ứng yêu cầu về tuổi nghỉ hưu thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ ban hành “quyết định nghỉ hưu”.

1.2. Về chế độ hưu trí

Tại Điều 53 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định: *Đối tượng áp dụng chế độ hưu trí là người lao động quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật này.*

Tại Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định: *Điều kiện hưởng lương hưu*

1. *Người lao động quy định tại các điểm a, b, c, d, g, h và i khoản 1 Điều 2 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, khi nghỉ việc có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên thì được hưởng lương hưu nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

a) *Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi;*

b) *Nam từ đủ 55 tuổi đến đủ 60 tuổi, nữ từ đủ 50 tuổi đến đủ 55 tuổi và có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên;*

c) *Người lao động từ đủ 50 tuổi đến đủ 55 tuổi và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên mà trong đó có đủ 15 năm làm công việc khai thác than trong hầm lò;*

d) *Người bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.*

2. *Người lao động quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 2 của Luật này nghỉ việc có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên được hưởng lương hưu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

a) *Nam đủ 55 tuổi, nữ đủ 50 tuổi, trừ trường hợp Luật sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, Luật công an nhân dân, Luật cơ yếu có quy định khác;*

b) Nam từ đủ 50 tuổi đến đủ 55 tuổi, nữ từ đủ 45 tuổi đến đủ 50 tuổi và có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên;

c) Người bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

3. Lao động nữ là người hoạt động chuyên trách hoặc không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn tham gia bảo hiểm xã hội khi nghỉ việc mà có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội và đủ 55 tuổi thì được hưởng lương hưu.

4. Chính phủ quy định điều kiện về tuổi hưởng lương hưu đối với một số trường hợp đặc biệt; điều kiện hưởng lương hưu của các đối tượng quy định tại điểm c và điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 Điều này.”

Do đó, cá nhân được hưởng chế độ hưu trí khi đáp ứng 02 điều kiện: về thời gian đóng bảo hiểm xã hội và độ tuổi.

2. Về xem xét hồ sơ của Ông

Ông cho rằng mình đã có quyết định nghỉ hưu, nhưng Sở Nội vụ thông báo lý do nêu chưa giải quyết hưởng chính sách do “*không có quyết định nghỉ hưu*” là không phù hợp. Qua rà soát hồ sơ, kết quả thẩm định của Sở Nội vụ và đối chiếu với quy định tại Nghị quyết 07/2025/NQ-CP, Ủy ban nhân dân tỉnh nhận thấy:

Thứ nhất, tại Công văn số 2135/SNV-TCCC ngày 07/10/2025¹ hướng dẫn cụ thể hồ sơ đề nghị: “*Riêng đối với trường hợp đã đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đang hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động gửi kèm các văn bản: Quyết định nghỉ hưu, Quyết định hưởng chế độ hưu trí, Quyết định phê chuẩn tiếp tục công tác sau khi nghỉ hưu*”.

Thứ hai, hồ sơ của Ông đơn vị chỉ cung cấp Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc cán bộ chuyên trách xã *nghỉ việc* hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, nội dung Quyết định nêu “Được nghỉ việc để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội từ ngày: 01/4/2019”.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh chưa có cơ sở xem xét phê duyệt Ông đủ điều kiện hưởng chính sách, chế độ theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP.

3. Bên cạnh đó, thực hiện chủ trương Chính phủ tại Nghị quyết số 405/NQ-CP về việc kéo dài thời chi trả chính sách, chế độ muộn nhất ngày 31 tháng 12 năm 2025”, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo kịp thời đến các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương rà soát, tiếp nhận hồ sơ thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị quyết 07/2025/NQ-CP, trong đó thời gian gửi hồ sơ về Sở Nội vụ chậm nhất

¹ Công văn số 2135/SNV-TCCC ngày 07/10/2025 của Sở Nội vụ về việc thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP ngày 17/9/2025 của Chính phủ.

ngày 16/12/2025². Tuy nhiên, đến hết thời gian quy định nêu trên, Ông chưa cung cấp cho đơn vị bổ sung hồ sơ đến Sở Nội vụ để thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung chính sách, chế độ đối với trường hợp của Ông.

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng thông báo đến ông Trần Văn Tốt được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh (theo dõi);
- Sở Nội vụ;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Ban TCDNC;
- Lưu: VT, TH, T.

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Phi Đa

² Công văn số 4177/SNV-TCCC ngày 11/12/2025 của Sở Nội vụ về việc rà soát, tiếp tục gửi hồ sơ thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP.